

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

*Công ty thành viên của JPA International*

Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Tel : +84 (28) 3859 4168

Fax : +84 (28) 3859 2285

Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com)

Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



# **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

## **MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11
6. Thuyết minh báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 36

---



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty.

### 1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic, sau đây gọi tắt là “Công ty” (tên giao dịch là: Pharmedic Pharmaceutical Medicinal Joint Stock Company, tên viết tắt là: PHARMEDIC JSC).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 1997 và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thay đổi thứ 12 ngày 06 tháng 07 năm 2018 về việc bổ sung thêm ngành, nghề kinh doanh.

Hiện công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : PMC

Vốn điều lệ : 93.325.730.000 đồng.

Cơ cấu vốn	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn cổ phần thuộc Nhà Nước	40.543.090.000	43,44
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	52.782.640.000	56,56
<b>Cộng</b>	<b>93.325.730.000</b>	<b>100,00</b>

### 2. Trụ sở hoạt động

#### ▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (28) – 3920 0502

Fax : +84 (28) – 3920 0096

Mã số thuế : 0 3 0 0 4 8 3 0 3 7

#### ▪ Nhà máy sản xuất

Địa chỉ : 1/67 đường Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm;
- In ấn chi tiết: In và ép bao bì bằng nhựa, nhôm, giấy;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu chi tiết: Sản xuất dược phẩm, dược liệu và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế. Gia công chế biến một số nguyên liệu (chủ yếu từ dược liệu để sản xuất một số mặt hàng có tính chất truyền thống);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: Kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư, y tế và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng chi tiết: Sản xuất vật tư, y tế;
- Sản xuất hóa chất cơ bản chi tiết: Sản xuất hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng – diệt vi khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở);

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu chi tiết : Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng – diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu chi tiết: Liên doanh, liên kết với tổ chức và cá nhân ở trong và ngoài nước;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, vật tư y tế, mỹ phẩm;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu chi tiết: sản xuất thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu chi tiết: bán lẻ thực phẩm chức năng;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật chi tiết: dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.

**4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và cho tới thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**4.1 Hội đồng quản trị**

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lê Việt Hùng	Chủ tịch	23/04/2019	-
Ông Trần Việt Trung	Thành viên	23/04/2019	-
Ông Phan Xuân Phong	Thành viên	20/04/2019	-
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên	20/04/2019	-
Ông Trần Đức Thắng	Thành viên	20/04/2019	-
Ông Nguyễn Quý Thịnh	Thành viên	20/04/2019	-
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	Thành viên	20/04/2019	-

**4.2 Ban Kiểm soát**

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lê Hữu Hùng	Trưởng ban	24/04/2023	-
Bà Phạm Thị Hoàng	Trưởng ban	20/04/2019	22/04/2023
Bà Nguyễn Thị Thùy Mỹ	Thành viên	22/04/2023	-
Ông Nguyễn Thế Phong	Thành viên	20/04/2019	-
Ông Lê Hữu Hùng	Thành viên	20/04/2019	24/04/2023

#### 4.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Việt Trung	Tổng Giám đốc	23/04/2019	-
Ông Trà Quang Trinh	Phó Tổng Giám đốc	01/08/2019	-
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	01/08/2019	-
Ông Phan Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc	01/08/2019	-
Bà Nguyễn Diệu Lê	Kế toán trưởng	01/02/2022	-

#### 5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Việt Trung – Tổng Giám đốc.

#### 6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 36.

#### 7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### 8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

#### 9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày cùng ngày của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2024*



**Hội đồng quản trị**

**LÊ VIỆT HÙNG**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**





Số: 2103/24/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2024, từ trang 08 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2024.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**

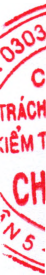


**Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN số: 2141-2023-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Nguyễn Thị Tuyết Vân – Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN số 2839-2020-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>379.070.958.797</b>	<b>441.141.345.528</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>13.252.269.450</b>	<b>37.453.513.395</b>
111	1. Tiền		13.252.269.450	23.453.513.395
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	14.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>249.000.000.000</b>	<b>256.100.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	249.000.000.000	256.100.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>49.121.479.051</b>	<b>42.759.309.502</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	40.322.657.132	36.719.046.135
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	6.206.928.555	4.272.720.315
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	3.604.857.556	3.232.702.117
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(1.012.964.192)	(1.465.159.065)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.7	<b>67.243.924.381</b>	<b>104.546.139.625</b>
141	1. Hàng tồn kho		67.243.924.381	104.546.139.625
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>453.285.915</b>	<b>282.383.006</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8.1	453.285.915	282.383.006
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
<b>200</b>	<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>47.303.625.473</b>	<b>52.982.806.169</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>42.146.906.698</b>	<b>48.620.966.124</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	39.704.264.536	45.890.441.007
222	- Nguyên giá		220.282.524.602	215.435.730.475
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(180.578.260.066)	(169.545.289.468)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	2.442.642.162	2.730.525.117
228	- Nguyên giá		8.057.764.909	8.057.764.909
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.615.122.747)	(5.327.239.792)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	-
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.156.718.775</b>	<b>4.361.840.045</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8.2	5.156.718.775	4.361.840.045
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>426.374.584.270</b>	<b>494.124.151.697</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

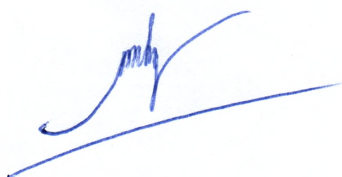
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>83.177.690.919</b>	<b>66.342.117.399</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>83.177.690.919</b>	<b>66.342.117.399</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	12.730.339.640	15.667.579.524
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	1.002.168.358	669.461.124
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	10.498.805.274	8.208.352.444
314	4. Phải trả người lao động	V.14	32.820.158.810	28.252.584.122
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	14.558.638.487	6.299.129.471
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	11.567.580.350	7.245.010.714
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
<b>400</b>	<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>343.196.893.351</b>	<b>427.782.034.298</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.17	<b>343.196.893.351</b>	<b>427.782.034.298</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		93.325.730.000	93.325.730.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		93.325.730.000	93.325.730.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		972.972.000	972.972.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		194.975.323.606	279.669.450.143
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		53.922.867.745	53.813.882.155
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	-
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		53.922.867.745	53.813.882.155
422	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>		<b>426.374.584.270</b>	<b>494.124.151.697</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2024.

Người lập biểu

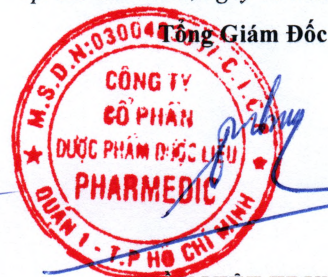


TRẦN MẠNH HƯNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN DIỆU LÊ



TRẦN VIỆT TRUNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

ĐVT: VNĐ

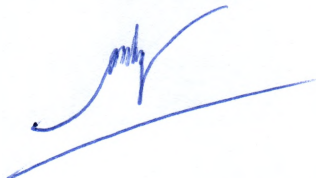
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	485.445.722.077	472.709.909.155
02	2. Các khoản giảm trừ	VI.2	259.336.910	436.359.308
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		485.186.385.167	472.273.549.847
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	315.133.649.402	285.917.650.730
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		170.052.735.765	186.355.899.117
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	19.870.360.644	13.220.401.994
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	16.105.100	85.442.331
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	45.082.620.142	49.660.059.392
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	40.562.476.219	45.927.909.547
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		104.261.894.948	103.902.889.841
31	11. Thu nhập khác	VI.8	600.667.912	2.383.208.947
32	12. Chi phí khác	VI.9	260.152.113	1.805.660.472
40	13. Lợi nhuận khác		340.515.799	577.548.475
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		104.602.410.747	104.480.438.316
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	21.037.970.002	21.063.983.161
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		83.564.440.745	83.416.455.155
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	VI.10	6.536	6.525
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	VI.11	6.536	6.525

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2024.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





TRẦN MẠNH HƯNG

NGUYỄN DIỆU LÊ

TRẦN VIỆT TRUNG



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

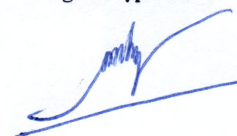
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>104.602.410.747</b>	<b>104.480.438.316</b>
	<b>2. Điều chỉnh các khoản</b>		<b>(8.488.587.821)</b>	<b>(1.986.399.794)</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định	V.9 & V.10	11.937.657.274	12.542.818.637
03	- Các khoản dự phòng		(452.194.873)	(407.620.101)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(1.084.357)	(987.266)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(19.972.965.865)	(14.120.611.064)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>96.113.822.926</b>	<b>102.494.038.522</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(5.504.865.362)	3.869.697.311
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		37.302.215.244	(33.167.488.440)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		6.564.464.188	7.740.956.834
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(965.781.639)	1.831.042.773
14	- Tiền lãi vay đã trả			
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.13	(20.580.985.021)	(20.903.048.816)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.16	(18.238.873.256)	(24.871.993.721)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>94.689.997.080</b>	<b>36.993.204.463</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.012.348.168)	(5.318.264.101)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		175.454.546	1.253.308.080
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	VII.1	(539.900.000.000)	(519.600.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	VII.2	547.000.000.000	505.630.564.384
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		19.392.402.005	11.833.933.262
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>18.655.508.383</b>	<b>(6.200.458.375)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.17c	(137.547.833.765)	(22.770.134.625)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(137.547.833.765)</b>	<b>(22.770.134.625)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)</b>		<b>(24.202.328.302)</b>	<b>8.022.611.463</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>37.453.513.395</b>	<b>29.429.914.666</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.084.357	987.266
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	V.1	<b>13.252.269.450</b>	<b>37.453.513.395</b>

Người lập biểu

  
TRẦN MẠNH HƯNG

Kế toán trưởng

  
NGUYỄN DIỆU LÊ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2024.



Tổng Giám Đốc

  
TRẦN VIỆT TRUNG



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (tên giao dịch là: Pharmedic Pharmaceutical Medicinal Joint Stock Company, tên viết tắt là: PHARMEDIC JSC).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư y tế và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế;
- Liên doanh, liên kết với tổ chức và các cá nhân ở trong và ngoài nước gia công chế biến một số nguyên phụ liệu (chủ yếu từ dược liệu để sản xuất một số mặt hàng có tính chất truyền thống);
- In và ép bao bì bằng nhựa, nhôm, giấy;
- Sản xuất, mua bán hoá chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng – diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở).

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Giá thành đơn vị của các mặt hàng chủ lực năm nay tăng so với năm trước và năm nay Công ty thực hiện các chương trình khuyến mãi kèm điều kiện nhiều hơn nên giá vốn hàng bán tăng, dẫn đến lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 8,75% so với năm trước.

#### 6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Công ty có 534 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 543 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho năm tài chính, từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

*Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh*

*Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư

### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chủ yếu bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính và chi phí nhân công thực hiện.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.



### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

## **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Số năm</b>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05-30
+ Máy móc và thiết bị	06-10
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

## **8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao từ 03 đến 05 năm.

3175  
G TY  
M HỮU  
VÀ T  
N VI  
HỒ



### **Tài sản cố định vô hình khác**

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính.

## **9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả người lao động và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả cho người lao động phản ánh các khoản phải trả và tình hình thanh toán các khoản phải trả cho người lao động về tiền công, tiền thưởng và các khoản khác thuộc về thu nhập của người lao động. Đơn vị trích lập quỹ lương theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 38/PMC-HĐQT ngày 01 tháng 08 năm 2014 về hệ số tính lương 56% trên Tổng doanh thu trừ (-) tổng chi phí chưa có lương.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **10. Vốn chủ sở hữu**

### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

### **Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.



## **11. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu bao gồm doanh thu bán hàng hóa (thực phẩm chức năng, mỹ phẩm,..) và doanh thu bán thành phẩm thuốc các loại:***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

## **13. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

## **14. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

## **15. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản lỗ tỉ giá hối đoái.

## **16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.



## **17. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi). Trường hợp không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán thì tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

## **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### **▪ Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **▪ Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.





## V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	595.348.115	49.905.648
1.2	Tiền gửi ngân hàng	12.656.921.335	23.403.607.747
1.3	Tiền và các khoản tương đương tiền	-	14.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>13.252.269.450</b>	<b>37.453.513.395</b>

### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chi tiết gồm: (*)	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi có kỳ hạn tại NH TMCP Công thương Việt Nam	95.500.000.000	30.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	65.500.000.000	130.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	56.500.000.000	57.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	31.500.000.000	14.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Quốc Dân	-	22.100.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>249.000.000.000</b>	<b>256.100.000.000</b>

(\*) Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là phải thu ngắn hạn chủ yếu về tiêu thụ thành phẩm dược phẩm.

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan</b>	<b>17.345.275.864</b>	<b>11.706.914.389</b>
- Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn và các chi nhánh	17.345.275.864	11.706.914.389
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác</b>	<b>22.977.381.268</b>	<b>25.024.601.784</b>
- Công ty CP Dược phẩm FPT Long Châu	3.909.561.459	647.251.521
- Các đối tượng khác	19.067.819.809	24.364.880.225
<b>Cộng (*)</b>	<b>40.322.657.132</b>	<b>36.719.046.135</b>

(\*) Trong đó, nợ phải thu khó đòi là 1.248.113.620 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Là khoản trả trước cho người bán ngắn hạn chủ yếu của việc mua nguyên liệu và mua thiết bị tài sản cho sản xuất.

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước ngắn hạn cho người bán khác</b>	<b>6.206.928.555</b>	<b>4.272.720.315</b>
- Công ty TNHH TM DV Cơ khí Chế tạo Máy Sài Gòn	1.790.794.720	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Sài Gòn	1.105.728.000	936.785.000
- Công ty CP Dược Đồng Nai	978.591.600	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Huy Phát	677.133.600	-
- Các đối tượng khác	1.654.680.635	3.335.935.315
<b>Cộng (*)</b>	<b>6.206.928.555</b>	<b>4.272.720.315</b>

(\*) Công ty không có các khoản nợ phải thu khó đòi trong năm.

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>3.604.857.556</b>	-	<b>3.232.702.117</b>	-
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.189.395.889	-	2.784.286.575	-
- Tạm ứng	246.849.300	-	354.397.089	-
- Phải thu khác	168.612.367	-	94.018.453	-
<b>Cộng</b>	<b>3.604.857.556</b>	-	<b>3.232.702.117</b>	-

**6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>						
- Công ty DOQ Pharma	Trên 3 năm	673.833.638	-	Trên 3 năm	988.833.638	-
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Vạn Phúc	Trên 3 năm	80.084.401	-	Trên 3 năm	115.084.401	-
- Công ty CP Dược và Vật tư y tế Kiên Giang	Từ 6 tháng đến dưới 2 năm	234.872.958	87.502.470	Từ 6 tháng đến dưới 2 năm	234.872.958	134.477.062
- Các đối tượng khác	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	259.322.623	147.646.958	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	383.752.292	122.907.163
<b>Cộng</b>		<b>1.248.113.620</b>	<b>235.149.428</b>		<b>1.722.543.289</b>	<b>257.384.224</b>

**Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.465.159.065)	(1.872.779.166)
Trích lập dự phòng	-	(90.097.087)
Hoàn nhập dự phòng	452.194.873	497.717.188
<b>Số cuối năm</b>	<b>(1.012.964.192)</b>	<b>(1.465.159.065)</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
7.1 Nguyên liệu, vật liệu	35.612.933.211	-	53.596.246.654	-
7.2 Công cụ, dụng cụ	869.325.276	-	818.921.641	-
7.3 Chi phí SXKD dở dang	6.840.371.322	-	11.947.623.139	-
7.4 Thành phẩm	22.547.124.399	-	36.905.941.240	-
7.5 Hàng hóa	1.374.170.173	-	1.277.406.951	-
<b>Cộng</b>	<b>67.243.924.381</b>	<b>-</b>	<b>104.546.139.625</b>	<b>-</b>

**Nguyên liệu, vật liệu**

Chủ yếu là nguyên vật liệu dùng cho sản xuất dược phẩm.

**Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**

Là nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm dở dang và vật liệu đưa đi gia công bao bì.

**Thành phẩm**

Chủ yếu là thành phẩm thuốc.

**Hàng hóa**

Chủ yếu là thực phẩm chức năng, thuốc các loại.

**8. Chi phí trả trước**

**8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi tiết gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa	-	282.383.006
- Chi phí bảo hiểm các loại	435.285.915	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	18.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>453.285.915</b>	<b>282.383.006</b>

**Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước ngắn hạn**

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	282.383.006	915.035.042
Tăng trong năm	5.763.672.298	2.249.366.604
Phân bổ trong năm	(5.592.769.389)	(2.882.018.640)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>453.285.915</b>	<b>282.383.006</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi tiết gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí sửa chữa	3.322.020.173	2.189.457.088
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.834.698.602	2.172.382.957
<b>Cộng</b>	<b><u>5.156.718.775</u></b>	<b><u>4.361.840.045</u></b>

**Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn trong năm**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	4.361.840.045	5.560.230.782
Tăng trong năm	4.527.615.769	2.876.004.961
Phân bổ trong năm	(3.732.737.039)	(4.074.395.698)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>5.156.718.775</u></b>	<b><u>4.361.840.045</u></b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý và TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số dư đầu năm	32.966.082.017	153.083.250.428	24.426.365.577	4.960.032.453	215.435.730.475
2. Tăng trong năm	-	4.546.491.922	691.025.926	226.080.000	5.463.597.848
- Tăng do mua mới	-	4.546.491.922	691.025.926	226.080.000	5.463.597.848
3. Giảm trong năm	-	80.522.000	536.281.721	-	616.803.721
- Thanh lý, nhượng bán	-	80.522.000	536.281.721	-	616.803.721
4. Số dư cuối năm	32.966.082.017	157.549.220.350	24.581.109.782	5.186.112.453	220.282.524.602
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	19.170.267.803	87.301.748.186	15.349.187.152	2.326.784.271	124.147.987.412
<b>II. Giá trị hao mòn</b>					
1. Số dư đầu năm	27.544.134.613	119.219.835.257	19.562.934.922	3.218.384.676	169.545.289.468
2. Tăng trong năm	919.759.397	8.941.734.100	1.351.907.556	436.373.266	11.649.774.319
- Khấu hao trong năm	919.759.397	8.941.734.100	1.351.907.556	436.373.266	11.649.774.319
3. Giảm trong năm	-	80.522.000	536.281.721	-	616.803.721
- Thanh lý, nhượng bán	-	80.522.000	536.281.721	-	616.803.721
4. Số dư cuối năm	28.463.894.010	128.081.047.357	20.378.560.757	3.654.757.942	180.578.260.066
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	5.421.947.404	33.863.415.171	4.863.430.655	1.741.647.777	45.890.441.007
2. Tại ngày cuối năm	4.502.188.007	29.468.172.993	4.202.549.025	1.531.354.511	39.704.264.536



**10. Tài sản cố định vô hình**

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình như sau:

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm kế toán	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
<b>1. Số đầu năm</b>	<b>2.916.105.767</b>	<b>3.849.899.609</b>	<b>1.291.759.533</b>	<b>8.057.764.909</b>
2. Tăng trong năm	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>2.916.105.767</b>	<b>3.849.899.609</b>	<b>1.291.759.533</b>	<b>8.057.764.909</b>
<i>Trong đó: Tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng</i>	-	2.629.649.609	1.258.426.200	3.888.075.809
<b>II. Giá trị hao mòn</b>				
<b>1. Số đầu năm</b>	<b>758.187.495</b>	<b>3.305.070.540</b>	<b>1.263.981.757</b>	<b>5.327.239.792</b>
2. Tăng trong năm	58.322.115	221.227.507	8.333.333	287.882.955
- <i>Khấu hao trong năm</i>	58.322.115	221.227.507	8.333.333	287.882.955
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>816.509.610</b>	<b>3.526.298.047</b>	<b>1.272.315.090</b>	<b>5.615.122.747</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>2.157.918.272</b>	<b>544.829.069</b>	<b>27.777.776</b>	<b>2.730.525.117</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>2.099.596.157</b>	<b>323.601.562</b>	<b>19.444.443</b>	<b>2.442.642.162</b>

(\*) Là giá trị quyền sử dụng đất của lô đất có diện tích 591,5 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng 50 năm, tọa lạc tại phường Đông Hưng Thuận, quận 12, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 830648 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 07/12/2009.

**11. Phải trả cho người bán ngắn hạn**

Chi tiết gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả người bán ngắn hạn cho các bên liên quan</b>		-
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn khác</b>	<b>12.730.339.640</b>	<b>15.667.579.524</b>
- Công ty TNHH SX Nhựa TM DV Toàn Thịnh	3.325.115.664	1.929.111.120
- Công ty TNHH Dược phẩm Sài Gòn	1.567.532.844	1.787.494.716
- Công ty TNHH MTV SXTM Trương Song Long An	1.321.984.800	1.026.898.560
- Các đối tượng khác	6.515.706.332	10.924.075.128
<b>Cộng</b>	<b>12.730.339.640</b>	<b>15.667.579.524</b>

Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán trong năm.

**12. Người mua trả tiền trước**

Là khoản tiền ứng trước của khách hàng mua thành phẩm dược phẩm.

### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	536.977.456	-	5.867.432.006	(4.743.270.106)	1.661.139.356	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	657.827.823	(657.827.823)	-	-
- Thuế TNDN	7.363.983.160	-	21.037.970.002	(20.580.985.021)	7.820.968.141	-
- Thuế TNCN	307.175.668	-	5.119.783.883	(4.410.523.854)	1.016.435.697	-
- Thuế tài nguyên	216.160	-	2.891.280	(2.845.360)	262.080	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.766.604.709	(2.766.604.709)	-	-
- Thuế khác	-	-	6.172.979	(6.172.979)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.208.352.444</b>	<b>-</b>	<b>35.458.682.682</b>	<b>(33.168.229.852)</b>	<b>10.498.805.274</b>	<b>-</b>

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế suất thuế GTGT tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa, nguyên liệu là dược phẩm 5%
- Thuế suất thuế GTGT tiêu thụ phế liệu, thanh lý tài sản cố định và các mặt hàng khác không phải là dược phẩm 10%

#### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	104.602.410.747	104.480.438.316
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	557.429.961	839.477.488
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	105.159.840.708	105.319.915.804
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>21.031.968.142</b>	<b>21.063.983.161</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>6.001.860</b>	<b>-</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>21.037.970.002</b>	<b>21.063.983.161</b>

#### **Thuế nhà đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**14. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	30.570.378.368	26.430.886.618
Tiền ăn giữa ca	331.425.000	355.890.000
Các khoản khác cho CBCNV	1.918.355.442	1.465.807.504
<b>Cộng</b>	<b><u>32.820.158.810</u></b>	<b><u>28.252.584.122</u></b>

*Đơn vị trích lập quỹ lương theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 38/PMC-HĐQT ngày 01 tháng 8 năm 2014 về hệ số tính lương 56% trên Tổng doanh thu trừ (-) tổng chi phí chưa có lương.*

**15. Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>14.558.638.487</b>	<b>6.299.129.471</b>
- BHXH, BHYT, BHTN, Kinh phí Công đoàn	253.059.660	106.135.820
- Nhận ký quỹ, ký cược	409.000.000	135.000.000
- Cổ tức phải trả	13.356.691.500	5.316.386.465
- Các đối tượng khác	539.887.327	741.607.186
<b>Cộng</b>	<b><u>14.558.638.487</u></b>	<b><u>6.299.129.471</u></b>

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	3.208.910.000	12.533.468.273	(8.781.190.000)	6.961.188.273
Quỹ phúc lợi	1.897.439.209	5.850.151.861	(4.884.567.830)	2.863.023.240
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.138.661.505	4.177.822.758	(4.573.115.426)	1.743.368.837
<b>Cộng</b>	<b><u>7.245.010.714</u></b>	<b><u>22.561.442.892</u></b>	<b><u>(18.238.873.256)</u></b>	<b><u>11.567.580.350</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>93.325.730.000</b>	<b>972.972.000</b>	<b>254.793.044.351</b>	<b>39.785.126.988</b>	<b>388.876.873.339</b>
- Tăng trong năm	-	-	24.876.405.792	83.416.455.155	96.832.820.702
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	83.416.455.155	83.416.455.155
+ Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	24.876.405.792	-	24.876.405.792
- Giảm trong năm	-	-	-	(69.387.699.988)	(69.387.699.988)
+ Trích lập các quỹ	-	-	-	(46.989.524.788)	(46.989.524.788)
+ Chia cổ tức	-	-	-	(22.398.175.200)	(22.398.175.200)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>93.325.730.000</b>	<b>972.972.000</b>	<b>279.669.450.143</b>	<b>53.813.882.155</b>	<b>427.782.034.298</b>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>93.325.730.000</b>	<b>972.972.000</b>	<b>279.669.450.143</b>	<b>53.813.882.155</b>	<b>427.782.034.298</b>
- Tăng trong năm	-	-	32.896.293.263	201.154.860.545	234.051.153.808
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	83.564.440.745	83.564.440.745
+ Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	32.896.293.263	-	32.896.293.263
+ Tăng từ hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	117.590.419.800	117.590.419.800
- Giảm trong năm	-	-	(117.590.419.800)	(201.045.874.955)	(318.636.294.755)
+ Trích lập các quỹ	-	-	-	(55.457.736.155)	(55.457.736.155)
+ Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	(117.590.419.800)	-	(117.590.419.800)
+ Chia cổ tức	-	-	-	(145.588.138.800)	(145.588.138.800)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>93.325.730.000</b>	<b>972.972.000</b>	<b>194.975.323.606</b>	<b>53.922.867.745</b>	<b>343.196.893.351</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của cổ đông nhà nước (Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn)	43,44	40.543.090.000	40.543.090.000
- Vốn góp của cổ đông khác	56,56	52.782.640.000	52.782.640.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>93.325.730.000</b>	<b>93.325.730.000</b>

**17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	93.325.730.000	93.325.730.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	93.325.730.000	93.325.730.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối theo Nghị quyết số 31/NQ-ĐHĐCĐ-PMC ngày 22/04/2023	27.997.719.000	22.398.175.200
- Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối (sau khi hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển) theo Nghị quyết số 48/NQ-ĐHĐCĐ-PMC ngày 07/08/2023	117.590.419.800	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	(137.547.833.765)	(22.770.134.625)

**17d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.332.573	9.332.573
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu phổ thông	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ bán ra	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu phổ thông	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/1 cổ phiếu)	10.000	10.000

**17e. Chi tiết lợi nhuận đã phân phối**

• Công ty đã phân phối lợi nhuận còn lại năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 31/NQ-ĐHĐCĐ-PMC ngày 22/04/2023 và phân phối lợi nhuận hoàn nhập từ quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 48/NQ-ĐHĐCĐ-PMC ngày 07/08/2023 như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông	: 136.255.565.800
- Trích quỹ đầu tư phát triển	: 32.896.293.263
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 2.252.442.892

**Cộng** **171.404.301.955**

75-  
TY  
HỮU  
& TU  
VIỆ  
ỐC

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2023: Tạm chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 31/NQ-ĐHĐCĐ-PMC ngày 22 tháng 04 năm 2023, tạm trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thù lao HĐQT 90% so với tỷ lệ kế hoạch năm 2023. (Tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thù lao HĐQT kế hoạch năm 2023 là 27%).

- Chia cổ tức cho các cổ đông	:	9.332.573.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thù lao HĐQT	:	20.309.000.000
<b>Cộng</b>		<b>29.641.573.000</b>

**18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****18a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.621,48	2.269,68

**18b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dược phẩm Khang Nhân	175.838.789	175.838.789
Công ty CP Dược phẩm Bạc Liêu	173.755.550	173.755.550
Công ty Cổ phần Dược phẩm ADMK	153.157.961	153.157.961
Công ty TNHH MTV Apharco	138.344.268	138.344.268
Công ty CP Dược phẩm Bạc Liêu ADMK-CN Tây Ninh	124.771.171	124.771.171
Công ty TNHH BVĐK Anh Minh	18.777.668	18.777.668
Công ty TNHH Đa Khoa Phước Sơn	4.574.010	4.574.010
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dược – Vật tư y tế Quảng Ngãi	27.489.442	27.489.442
Công ty TNHH Dược phẩm Quang Trung	16.869.797	16.869.797
Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Net Vạn Phúc	14.274.887	14.274.887
<b>Cộng</b>	<b>847.853.543</b>	<b>847.853.543</b>

**18c. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê đất tối thiểu phải trả trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn (\*) như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	2.446.015.727	2.446.015.727
Trên 1 năm đến 5 năm	12.230.078.634	12.230.078.634
Trên 5 năm	70.532.461.032	72.978.476.759
<b>Cộng</b>	<b>85.208.555.392</b>	<b>87.654.571.119</b>

(\*) Là khoản tiền thuê đất của Nhà nước tại địa chỉ 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, thời gian thuê đến ngày 26/10/2058 theo hợp đồng thuê đất số 547/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 20/01/2009, địa chỉ 167 Đông Hưng Thuận B, quận 12, thời gian thuê đến 30/09/2058 theo hợp đồng số 9837/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 01/12/2008.



## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thành phẩm	478.705.008.901	465.211.439.411
- Doanh thu bán hàng hóa	6.740.713.176	7.498.469.744
<b>Tổng cộng</b>	<b>485.445.722.077</b>	<b>472.709.909.155</b>

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi tiết gồm	Năm nay	Năm trước
- Thành phẩm bán bị trả lại, chiết khấu thương mại	254.343.110	434.333.858
- Hàng hóa bán bị trả lại	4.993.800	2.025.450
<b>Tổng cộng</b>	<b>259.336.910</b>	<b>436.359.308</b>

### 3. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn thành phẩm	309.836.868.047	280.085.970.080
- Giá vốn hàng hóa	5.296.781.355	5.831.680.650
<b>Tổng cộng</b>	<b>315.133.649.402</b>	<b>285.917.650.730</b>

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	19.826.620.908	13.150.557.779
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	26.550.279	27.420.942
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	17.189.457	42.423.273
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.870.360.644</b>	<b>13.220.401.994</b>

### 5. Chi phí tài chính

Chủ yếu là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá.

### 6. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	25.935.201.127	30.685.409.934
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	1.060.744.801	808.500.898
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.128.737.146	1.374.810.748
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.520.277.007	2.454.631.956
- Chi phí bằng tiền khác	14.437.660.061	14.336.705.856
<b>Tổng cộng</b>	<b>45.082.620.142</b>	<b>49.660.059.392</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi tiết gồm	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	27.398.466.546	32.397.455.458
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	603.222.280	554.165.756
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	608.332.466	668.958.832
- Thuế, phí và lệ phí	2.770.604.709	1.738.685.368
- Trích dự phòng (+)/Hoàn nhập dự phòng (-)	(452.194.873)	(90.099.935)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.483.002.863	4.771.973.780
- Chi phí bằng tiền khác	5.151.042.228	5.886.770.288
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.562.476.219</b>	<b>45.927.909.547</b>

**8. Thu nhập khác**

Chi tiết gồm	Năm nay	Năm trước
- Nhượng bán nguyên phụ liệu	320.969.600	898.195.600
- Thanh lý tài sản cố định	175.454.546	1.253.308.080
+ Thu nhập thanh lý TSCĐ	175.454.546	1.253.308.080
+ Chi phí thanh lý TSCĐ	-	-
- Thu nhập khác	104.243.766	231.705.267
<b>Tổng cộng</b>	<b>600.667.912</b>	<b>2.383.208.947</b>

**9. Chi phí khác**

Chi tiết gồm	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhượng bán nguyên vật liệu	255.364.073	1.805.358.702
- Chi phí khác	4.788.040	301.770
<b>Tổng cộng</b>	<b>260.152.113</b>	<b>1.805.660.472</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83.564.440.745	83.416.455.155
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm (*)	(22.562.399.001)	(22.522.442.892)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	61.002.041.744	60.894.012.263
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.332.573	9.332.573
<b>- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>6.536</b>	<b>6.525</b>

(\*) Số quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm nay là số tạm tính, tương ứng với tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thù lao HĐQT năm 2022 là 27% lợi nhuận sau thuế. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty.

#### 11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	83.564.440.745	83.416.455.155
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	(22.562.399.001)	(22.522.442.892)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	61.002.041.744	60.894.012.263
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (cp)	9.332.573	9.332.573
<b>- Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>6.536</b>	<b>6.525</b>

(\*) Số quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm nay là số tạm tính, tương ứng với tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thù lao HĐQT năm 2022 là 27% lợi nhuận sau thuế. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty.

#### 12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	197.166.561.628	214.815.397.280
- Chi phí nhân công	126.111.848.551	134.202.220.965
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.946.752.755	1.506.427.939
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.937.657.274	12.542.818.637
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.655.481.909	20.083.170.443
- Chi phí bằng tiền khác	23.571.037.470	24.438.318.400
<b>Tổng cộng</b>	<b>378.389.339.587</b>	<b>407.588.353.664</b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)

#### 1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	(539.900.000.000)	(519.600.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>(539.900.000.000)</b>	<b>(519.600.000.000)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	547.000.000.000	505.630.564.384
<b>Cộng</b>	<b>547.000.000.000</b>	<b>505.630.564.384</b>

**VIII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)****1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

**2. Giao dịch với các bên liên quan****2a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Chi tiết	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Lê Việt Hùng	Chủ tịch HĐQT	804.950.555	730.222.222
Ông Trần Việt Trung	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám Đốc	1.311.733.791	1.733.403.000
Ông Phan Xuân Phong	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	1.022.140.536	1.193.691.000
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên HĐQT	354.950.555	307.222.222
Ông Nguyễn Quý Thịnh	Thành viên HĐQT	337.222.222	307.222.222
Ông Trần Đức Thắng	Thành viên HĐQT	354.950.555	307.222.222
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	903.871.839	1.085.408.000
Ông Trà Quang Trinh	Phó Tổng Giám đốc	832.732.497	850.663.000
Bà Nguyễn Diệu Lê	Kế toán trưởng	606.361.959	551.047.000
Ông Lê Hữu Hùng	Trưởng ban kiểm soát bổ nhiệm 24/4/2023	287.617.222	246.222.222
Bà Phạm Thị Hoàng	Trưởng ban kiểm soát miễn nhiệm 22/4/2023	297.888.889	307.222.222
Ông Nguyễn Thế Phong	Thành viên BKS	270.222.222	246.222.222
Bà Nguyễn Thị Thùy Mỹ	Thành viên BKS bổ nhiệm 22/4/2023	58.666.666	-
<b>Cộng</b>		<b>7.443.309.508</b>	<b>7.314.720.554</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Cổ tức nhận trong năm của các thành viên quản lý chủ chốt**

Chi tiết	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Trần Việt Trung	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám Đốc	57.501.600	8.846.400
Ông Phan Xuân Phong	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	361.701.600	55.646.400
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	62.400.000	9.600.000
Ông Trà Quang Trinh	Phó Tổng Giám đốc	316.680.000	48.720.000
Bà Phạm Thị Hoàng	Trưởng ban kiểm soát miễn nhiệm 22/4/2023	-	21.844.800
<b>Cộng</b>		<b>798.283.200</b>	<b>144.657.600</b>

**Cá nhân có liên quan tới thành viên chủ chốt và giao dịch với bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ với Công ty
Bà Trần Thị Thu Trang	Là con của Ông Trần Việt Trung – Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc giữ chức vụ Phó phòng tiếp thị.

**Giao dịch với các bên liên quan với Công ty**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chia cổ tức	254.888.400	27.084.000

**2b. Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ với Công ty
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Cổ đông lớn nhất với tỷ lệ góp vốn vào Công ty là 43,44%
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Cổ đông lớn với tỷ lệ góp vốn vào Công ty là 14,6%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Giao dịch với các bên liên quan với Công ty**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn và các chi nhánh</b>		
- Mua nguyên liệu (*)	1.039.419.054	745.163.089
- Trả tiền mua nguyên liệu	1.039.419.054	745.163.089
- Doanh thu bán thành phẩm (*)	59.331.650.889	54.715.867.284
- Thu tiền bán thành phẩm	53.693.289.414	49.593.924.657
- Chia trả cổ tức	63.247.220.400	9.730.341.600
<b>Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội</b>		
- Chia cổ tức	21.251.068.800	2.725.111.316

(\*) Giá bán các sản phẩm và giá mua nguyên phụ liệu bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**2c. Số dư với bên liên quan**

Xem thuyết minh tại mục V.3 – Phải thu khách hàng.

**3. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh hàng hóa.
- Kinh doanh thành phẩm.

	Kinh doanh hàng hóa	Kinh doanh thành phẩm	Cộng
<b>Năm 2023</b>			
Doanh thu thuần	6.735.719.376	478.450.665.791	485.186.385.167
Giá vốn hàng bán	5.296.781.355	309.836.868.047	315.133.649.402
<b>Lãi gộp</b>	<b>1.438.938.021</b>	<b>168.613.797.744</b>	<b>170.052.735.765</b>
<b>Năm 2022</b>			
Doanh thu thuần	7.496.444.294	464.777.105.553	472.273.549.847
Giá vốn hàng bán	5.831.680.650	280.085.970.080	285.917.650.730
<b>Lãi gộp</b>	<b>1.664.763.644</b>	<b>184.691.135.473</b>	<b>186.355.899.117</b>

**Khu vực địa lý**

Doanh thu phần lớn được thực hiện tại Việt Nam.





**4. Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**5. Khả năng hoạt động liên tục**

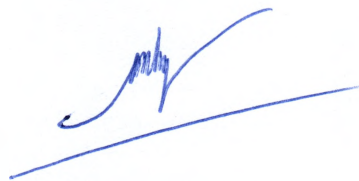
Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

**6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu



**TRẦN MẠNH HƯNG**

Kế toán trưởng



**NGUYỄN DIỆU LÊ**

Tổng Giám đốc



**TRẦN VIỆT TRUNG**

T.N.H.H  
H.N.T.